

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020

TRUNG TÂM CÔNG ĐÀO & TÀI HỌC Q. NGÃI

| | |
|-------------------|-----------------------|
| CV ĐẾN | Số:.....10.627..... |
| | Ngày: 21/11/2017..... |
| | Chuyên:..... |

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015, Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 361/HĐND-KTNS ngày 18/10/2017, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết Quy định một số mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020”, cụ thể:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn UBND cấp tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành cụ thể một số mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; vì vậy, để có căn cứ cho các đơn vị, địa phương thực hiện phân bổ, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh, thì việc trình HĐND tỉnh ban hành Quy định này là cần thiết và đúng theo Luật Ngân sách nhà nước.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 theo quy định.

2. Quan điểm chỉ đạo

Việc xây dựng Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 theo đúng quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Trình tự, thủ tục xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 361/HĐND-KTNS ngày 18/10/2017, UBND tỉnh đã giao Sở Tài chính xây dựng dự thảo Nghị quyết.

Sau khi xây dựng hoàn thành dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị quyết đã lấy ý kiến tham gia góp ý các sở ngành, địa phương có liên quan bằng văn bản. Đồng thời, đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân đối với nội dung dự thảo Nghị quyết. Sau khi tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 368/BC-STP ngày 13/11/2017, UBND tỉnh đã chủ trì họp nghe, cho ý kiến chỉ đạo hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị quyết để trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2017.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được xây dựng dưới hình thức quy định trực tiếp, trong đó gồm 5 điều.

2. Nội dung cơ bản:

2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, áp dụng trên toàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020.

b) Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh được giao quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2.2. Mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

a) Chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

- Mức hỗ trợ dự án: tối đa 450 triệu đồng/dự án, mô hình.

- Thời gian thực hiện: không quá 3 năm, kể từ năm 2018.

b) Chi xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công thông qua đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở thôn, bản; mô hình sản xuất nông, lâm

kết hợp tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, cụ thể:

- Loại mô hình; thời gian thực hiện; số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia mô hình; nội dung chi và định mức chi: giao UBND tỉnh quy định.

- Mức hỗ trợ:

+ Xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công thông qua đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở thôn, bản: tối đa 200 triệu đồng/mô hình (dự án);

+ Mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng: tối đa 300 triệu đồng/mô hình (dự án);

+ Mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu: tối đa 200 triệu đồng/mô hình (dự án).

- Thời gian thực hiện: không quá 3 năm, kể từ năm 2018.

- Địa bàn thực hiện: Các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 30a, xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135, các xã ngoài chương trình 30a và Chương trình 135.

2.3. Nội dung, mức chi theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 13, Điều 19, Điều 21 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính

a) Chi xây dựng và quản lý dự án

- Hỗ trợ không quá 7% mức hỗ trợ từ ngân sách cho dự án.

- Chi khác về quản lý dự án: Bằng 20% mức chi hỗ trợ nêu trên.

b) Chi chuyên môn của dự án

- Đối với dự án trồng trọt, dự án lâm nghiệp, dự án nông nghiệp, dự án ngư nghiệp, dự án nuôi trồng thủy sản, dự án diêm nghiệp: Giao UBND tỉnh quy định mức hỗ trợ.

(Mức hỗ trợ đối với từng loại dự án nêu trên phụ thuộc vào tính chất của từng dự án, phụ thuộc vào tính khả thi của dự án và theo thẩm định của cơ quan phê duyệt dự án. Vì vậy, giao cho UBND tỉnh quy định để đảm bảo đáp ứng việc thực hiện dự án hiệu quả)

- Mức hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia thực hiện dự án quy định tại khoản này cụ thể như sau:

+ Hộ nghèo: 15 triệu đồng/hộ/năm.

+ Hộ cận nghèo: 12 triệu đồng/hộ/năm.

+ Hộ mới thoát nghèo (không quá 36 tháng kể từ ngày được công nhận thoát nghèo): 09 triệu đồng/hộ/năm.

c) Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất,

phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm: Mức hỗ trợ theo hợp đồng thuê, mua, sửa chữa và các chứng từ chi tiêu hợp pháp, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án.

d) Hỗ trợ phương tiện nghe – xem

- Loại phương tiện hỗ trợ: 01 ti vi + 01 đầu thu/01 hộ nghèo (bao gồm công vận chuyển, lắp đặt hoàn thành).

- Hình thức hỗ trợ: hỗ trợ một lần, bằng hiện vật cho đối tượng thụ hưởng theo đúng quy định của Chương trình.

- Mức hỗ trợ: tối đa không quá 6.000.000 đồng/hộ.

e) Chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã: Mức chi hỗ trợ tối đa 3% tổng kinh phí sự nghiệp của Chương trình thực hiện các dự án, giao cho cấp xã quản lý.

Riêng đối với nội dung hỗ trợ thiết lập cụm thông tin cơ sở tại khoản 8 Điều 19 Thông tư 15/2017/TT-BTC, UBND tỉnh xét thấy không cần thiết vì tỉnh Quảng Ngãi không có cửa khẩu, biên giới; mặt khác chi phí duy trì hoạt động cho cụm thông tin cơ sở là rất lớn nhưng khó đánh giá được hiệu quả.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 8 xem xét, quyết nghị (kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban: Pháp chế, KTNS-HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, CBTH;
- Lưu VT, KTViệt668



Trần Ngọc Căng